

Bản án số: 137/2024/DS-ST
Ngày: 11-9-2024
“V/v tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Châu Thanh Tân
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty).** Trụ sở chính: Số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông **SOMYOT NGERNDAMRONG**, sinh năm 1966. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ thường trú: Số I, Tòa nhà S, tầng D, Ngõ C 10. Yaek 3 (B), đường C, tiểu khu T, quận L, Thành phố B, Thái Lan; Địa chỉ liên lạc: Số I, Tòa nhà S, tầng D, Ngõ C, Y (B), đường C, tiểu khu T, quận L, Thành phố B, Thái Lan (vắng mặt).
2. Ông **KANOKWATPAISAL N**, sinh năm 1972; chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ thường trú: Số E, thôn F, xã S, huyện S, tỉnh Nonthaburi, Thái Lan; Địa chỉ liên lạc: Số I, đường L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh V**; chức vụ: nhân viên; HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Số E, đường

P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN ngày 01/6/2024 – có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Trần Quốc K**, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Số A, T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; hiện đang sinh sống tại: số B, Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay do ông Nguyễn Minh V là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 17/5/2022, Công ty TNHH S1 - Chi nhánh V1 (nay là Công ty cổ phần S Có Ngay) xác lập với ông Trần Quốc K hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe số VLM220501011NA19X ngày 17/5/2022.

Tài sản cầm cố là: 01 (một) xe mô tô hai bánh, Nhãn hiệu: HONDA, Loại: Vision 110cc F, Biển số: 64B2-215.59, Số khung: RLHJF5836KZ440950, Số máy: JF86E5010977, Giấy chứng nhận đăng ký số: 105331 do Công an tỉnh V cấp ngày 11/6/2019.

Nội dung Hợp đồng cầm cố như sau: số tiền cầm cố: 14.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 18 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 17/5/2022; Lãi suất cầm cố và các khoản phí được thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng; Phí quản lý hồ sơ: 0,5%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra, Công ty và ông K còn thỏa thuận cho ông K mượn lại xe để sử dụng theo Giấy mượn xe ký ngày 17/5/2022, thỏa thuận hàng tháng ông K phải trả Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 2,1%. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 17/5/2022 đến 17/6/2022, nguyên đơn đang giữ của bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 105331 do Công an tỉnh V cấp ngày 11/6/2019 cho ông K.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số VLM220501011NA19X ngày 17/5/2022, ông K đã thế chấp tài sản bảo đảm là: 01 xe máy Biển kiểm soát: 64B2-215.59, có thông tin như nêu trên. Tài sản trên được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch: 1488590725 (web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn>/tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm Thành phố H.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố đến nay bị đơn chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 2.730.000 đồng, trong đó: tiền gốc 1.367.326đ, lãi 300.550đ; Phí 1.062.124đ. Đến ngày 17 tháng 8 năm 2022 không thanh toán nữa nên nợ chuyển sang quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Nay Công ty cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Trần Quốc K phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là

17.625.478đồng (gồm, nợ gốc: 12.632.674đ; lãi trong hạn: 3.328.536đồng, lãi quá hạn: 1.664.268đồng); yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ và chịu mọi chi phí tố tụng. Trường hợp ông K không thanh toán hay thanh toán không đầy đủ nợ thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: xe mô tô hai bánh, Nhãn hiệu: HONDA, Loại: Vision 110cc F, Biển số xe: 64B2-215.59, Số khung: RLHJF5836KZ440950, Số máy: JF86E5010977, Giấy chứng nhận đăng ký số: 105331 do Công an tỉnh V cấp ngày 11/06/2019 theo giấy mượn xe ký ngày 17/5/2022 để thu hồi nợ. Khi nào bị đơn trả đủ tiền thì nguyên đơn trả bị đơn bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe; nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: đúng hạn là 2,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ: 0,5%/tháng.

Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 15/7/2024, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung trường hợp ông K không thực hiện nghĩa vụ, công ty yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, Loại: Vision 110cc F, Biển số xe: 64B2-215.59, Số khung: RLHJF5836KZ440950, Số máy: JF86E5010977, Giấy chứng nhận đăng ký số: 105331 do Công an V cấp ngày 11/6/2019 để thu hồi nợ, nguyên đơn sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thi hành án.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 11/9/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn lãi đến ngày xử sơ thẩm tổng cộng 16.964.674đ (nợ gốc 12.632.674đ; lãi trong hạn 2.261.000đ; lãi quá hạn 2.070.495đ); yêu cầu bị đơn tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán hết nợ và xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Đối với bị đơn Trần Quốc K: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: ông Nguyễn Minh V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên sẽ chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 309, 310, 311, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Quốc K trả cho nguyên đơn vốn lãi 16.964.674đ (gồm nợ gốc 12.632.674đ, lãi trong hạn 2.261.000đ, lãi quá hạn 2.070.495đ) và tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí quản lý hồ sơ và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả bản gốc giấy đăng ký xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Vision 110ccFi, biển số 64B2-215.59 cho ông K; Án phí ông K phải chịu 848.234đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông K trả tiền cầm cố tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Theo kết quả xác minh ngày 20/7/2024 của Công an P, thành phố V xác định: Trần Quốc K hiện đăng ký thường trú và đang sinh sống tại: số B, Đ, Khóm D, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa (lần 01: vào ngày 22/8/2024, lần 02: ngày 11/9/2024) đến địa chỉ vừa nêu nhưng ông K đều vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Vào ngày 17/5/2022, Công ty và ông K xác lập Hợp đồng cầm cố số VLM220501011NA19X để ông K cầm cố cho Công ty A (một) xe mô tô hai bánh, Nhãn hiệu: HONDA, Loại: Vision 110cc F, Biển số xe: 64B2-215.59, Số khung: RLHJF5836KZ440950, Số máy: JF86E5010977, số tiền cầm cố là 14.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn.

Hợp đồng được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, khi giao dịch các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty Cổ phần S Có Ngay có đăng ký kinh doanh và tại số thứ tự 27, Điều 4 của Điều lệ Công ty có nêu rõ các

ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có “hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ”, nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

“4. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn yêu cầu nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 309 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Trong hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận lãi suất cầm cố trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 29 Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể:

“6. Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”.

Và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...”*, nên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn 18 tháng tính từ ngày 17/5/2022 đến 17/11/2023. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố đến nay bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn 2.730.000 đồng (tiền gốc 1.367.326đ, lãi 300.550đ; Phí 1.062.124đ). Như vậy, bị đơn đã trả lãi trong hạn 02 tháng đến ngày 17/7/2022 thì ngưng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể:

- Lãi trong hạn từ 18/7/2022 đến 17/11/2023 là 16 tháng 08 ngày: 12.632.674đ x 1,1%/tháng x 16 tháng 08 ngày = 2.261.000đ.

- Lãi quá hạn được tính từ ngày 18/11/2023 đến 11/9/2024 là 9 tháng 28 ngày: 12.632.674đ x (1,1%/tháng x 150%) x 9 tháng 28 ngày = 2.070.495đ.

Tổng cộng ông K phải trả nguyên đơn 16.964.674đ (gồm, nợ gốc 12.632.674đ; lãi trong hạn 2.261.000đ; lãi quá hạn 2.070.495đ) và tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ.

[3] Hiện nay, nguyên đơn đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 105331 do Công an tỉnh V cấp ngày 11/6/2019 của ông K, nguyên đơn tự nguyện trả ông K nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[4] Xét thấy, cùng ngày ký hợp đồng cầm cố thì Công ty và ông K còn thỏa thuận cho ông K mượn lại xe để sử dụng theo Giấy mượn xe ký ngày 17/5/2022, thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 17/5/2022 đến 17/6/2022. Ngoài thỏa thuận: bị đơn phải thanh toán lãi trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, các bên còn thỏa thuận ông K trả: phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, hàng tháng ông K phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 2,1%. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn thực tế nguyên đơn không quản lý xe mà xe do bị đơn quản lý, sử dụng, nên hàng tháng không làm phát sinh phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản, nguyên đơn thỏa thuận thu các phí này là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 314 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn đã xin rút lại yêu cầu phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe và rút yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là: 01 xe Biển kiểm soát: 64B2-215.59 để thu hồi nợ. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 848.000đ (cách tính $16.964.674đ \times 5\% = 848.233đ$ – tính tròn: 848.000đ).

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 1, 7, 8, 24 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; các Điều 117, 309, 310, 311, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 3, 29 Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Trần Quốc K phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng cộng 16.964.674đ (mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng), bao gồm: nợ gốc 12.632.674đ, lãi trong hạn 2.261.000đ và lãi quá hạn 2.070.495đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay có nghĩa vụ trả ông Trần Quốc K bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 105331 do Công an V cấp ngày 11/06/2019.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Quốc K trả phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe và yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo đối với xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, loại: Vision 110cc Fi, biển số xe: 64B2-215.59, số khung: RLHJF5836KZ440950, số máy: JF86E5010977.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Quốc K phải nộp 848.000đ (tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 522.000đ (năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án No 0006766 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

